



**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**
*BANK FOR INVESTMENT AND
DEVELOPMENT OF VIETNAM, JSC.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 6283/BIDV-TTĐVKH
Vv CBTT định kỳ về tình hình thanh toán
gốc, lãi trái phiếu
*Re: periodically information disclosure on
bond's principal and interest payments*

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 28th, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ **PERIODICALLY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To:

- *State Securities Commission;*
- *Vietnam Stock Exchange;*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange;*
- *Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/*Name of organization*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam/*Bank for Investment and Development of Vietnam, JSC.* (BIDV)

- Mã chứng khoán/*Stock code*: BID
- Địa chỉ/*Address*: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/*BIDV Tower, 194 Tran Quang Khai road, Hoan Kiem ward, Ha Noi*
- Điện thoại liên hệ/*Tel*: (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) công bố thông tin định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu do BIDV phát hành kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm 2026 như đính kèm.

Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) announced periodic report on bond issued by BIDV's principal and interest payments for the first - half of 2026 reporting period as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của ngân hàng vào ngày 29/07/2026 tại đường dẫn <https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu>/This information was published on the bank's website on 29/07/2026, as in the links <https://www.bidv.com.vn/en/quan-he-nha-dau-tu>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.* *Qy2*

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/*As above;*

- Lưu: TK&QHCD,

TTDVKH, VP/

Archive: Secretariat &

Investor Relations, Customer

Service Center, BIDV Office.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

***PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE
INFORMATION***

SENIOR EXECUTIVE VICE PRESIDENT



Trần Long

Số: 28263/BC-BIDV

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026
Hanoi, July 28th, 2026

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

To:

- State Securities Commission;
- Vietnam Stock Exchange;
- Hanoi Stock Exchange.
- Ho Chi Minh Stock Exchange;

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

STT (No.)	Mã trái phiếu (Bond code)	Kỳ hạn (năm) Period (years)	Ngày phát hành (Issue date)	Ngày đáo hạn (Maturity date)	Số dư đầu kỳ (VND) (Opening balance)		Thanh toán trong kỳ (VND) (Payment during the period)		Dư nợ cuối kỳ (VND) (Closing balance)	
					Gốc (Principal)	Lãi (Interest)	Gốc (Principal)	Lãi (Interest)	Gốc (Principal)	Lãi (Interest)
1	BID123003	8	16/01/2023	16/01/2031	100.000.000	-	100.000.000	6.080.000	-	-
2	BID123004	10	16/01/2023	16/01/2033	300.000.000.000	-	-	18.540.000.000	300.000.000.000	-
3	BID122005	10	25/01/2022	25/01/2032	157.027.200.000	-	-	8.919.144.960	157.027.200.000	-
Tổng/Total					457.127.200.000	-	100.000.000	27.465.224.960	457.027.200.000	-

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)/Reporting period from January 1, 2026 to June 30, 2026

Loại nhà đầu tư (Type of investors)	Dư nợ đầu kỳ (Opening balance)		Thay đổi trong kỳ (Changes during the period)		Dư nợ cuối kỳ (Closing balance)	
	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)	Giá trị (VND) (Value)	Tỷ trọng (%) (Percentage)
I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors	456.127.200.000	99,78	4.646.206.100.000	(0,19)	5.102.333.300.000	99,59
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	370.000.000.000	80,94	2.512.044.400.000	(24,69)	2.882.044.400.000	56,25
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/Securities companies	-	-	1.191.556.600.000	23,26	1.191.556.600.000	23,26
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	300.000.000.000	65,63	-	(59,77)	300.000.000.000	5,86
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	70.000.000.000	15,31	1.320.487.800.000	11,83	1.390.487.800.000	27,14
2. Nhà đầu tư cá nhân/Individual investors	86.127.200.000	18,84	2.134.161.700.000	24,50	2.220.288.900.000	43,34
II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors	1.000.000.000	0,22	20.090.000.000	0,19	21.090.000.000	0,41
1. Nhà đầu tư có tổ chức/Institutional investors	-	-	-	-	-	-
a) Tổ chức tín dụng*/Credit institutions	-	-	-	-	-	-
b) Quỹ đầu tư /Investment funds	-	-	-	-	-	-
c) Công ty chứng khoán/Securities companies	-	-	-	-	-	-
d) Công ty Bảo hiểm/Insurance companies	-	-	-	-	-	-
đ) Các tổ chức khác/Other organisations	-	-	-	-	-	-
2. Nhà đầu tư cá nhân/Individual investors	1.000.000.000	0,22	20.090.000.000	0,19	21.090.000.000	0,41
Tổng/Total	457.127.200.000	100,00	4.666.296.100.000	-	5.123.423.300.000	100

* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.

Ghi chú/Note:

- Dữ liệu báo cáo là dữ liệu trái phiếu BIDV phát hành ra công chúng/Reported data pertains to bond issued by BIDV to the public. /.

Nơi nhận (...b):

Recipients:

- Như trên/as above ;

- Lưu: TTDVKH, VP

/Archived: Customer

Service Center, BIDV

Office

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

By order of Chief Executive Officer

KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

For Senior Vice President/Head, H.O Customer Service Center

PHÓ GIÁM ĐỐC

Senior Vice President/Head, H.O Customer Service Center



Bùi Thị Hương



Số: 28262/BIDV-TTĐVKH

V/v Công bố thông tin định kỳ về tình hình
thanh toán gốc, lãi trái phiếu riêng lẻ

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tên viết tắt: BIDV
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100150619 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993 và các sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Tín dụng
- Mã số thuế: 0100150619

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu định kỳ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam:

- Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026 (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)
- Ngày thống kê: 30/06/2026

(Số liệu không bao gồm các thanh toán về mua lại/hoán đổi/chuyển đổi trái phiếu)

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê	Trả lãi/Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
1	BID12539	600.000.000.000	600.000.000.000	Trả lãi	15/03/2026	16/03/2026	16/03/2026	6,26	18.625.644.000	18.625.644.000				
2	BID12206	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	06/05/2026	06/05/2026	06/05/2026	5,88	11.760.000.000	11.760.000.000				
3	BID12404	950.000.000.000	-	Trả lãi	10/05/2026	11/05/2026	11/05/2026	5,78	55.060.438.200	55.060.438.200				
4	BID12501	780.000.000.000	780.000.000.000	Trả lãi	15/05/2026	15/05/2026	15/05/2026	5,68	44.304.000.000	44.304.000.000				
5	BID12502	305.000.000.000	305.000.000.000	Trả lãi	15/05/2026	15/05/2026	15/05/2026	5,83	17.781.500.000	17.781.500.000				
6	BID12503	173.000.000.000	173.000.000.000	Trả lãi	15/05/2026	15/05/2026	15/05/2026	5,90	10.207.000.000	10.207.000.000				
7	BID12504	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000	Trả lãi	16/05/2026	18/05/2026	18/05/2026	5,68	62.480.000.000	62.480.000.000				
8	BID12505	2.200.000.000.000	2.200.000.000.000	Trả lãi	16/05/2026	18/05/2026	18/05/2026	5,83	128.260.000.000	128.260.000.000				
9	BID12506	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	Trả lãi	20/05/2026	20/05/2026	20/05/2026	6,26	37.251.288.000	37.251.288.000				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê	Trả lãi/Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
10	BID12507	53.000.000.000	53.000.000.000	Trả lãi	20/05/2026	20/05/2026	20/05/2026	5,68	3.010.400.000	3.010.400.000				
11	BID12508	355.000.000.000	355.000.000.000	Trả lãi	20/05/2026	20/05/2026	20/05/2026	5,83	20.696.500.000	20.696.500.000				
12	BID12116	800.000.000.000	800.000.000.000	Trả lãi	21/05/2026	21/05/2026	21/05/2026	6,90	55.200.000.000	55.200.000.000				
13	BID12405	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	Trả lãi	21/05/2026	21/05/2026	21/05/2026	6,50	65.000.000.000	65.000.000.000				
14	BID12406	245.000.000.000	-	Trả lãi	22/05/2026	22/05/2026	22/05/2026	5,78	14.161.000.000	14.161.000.000				
15	BID12407	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	22/05/2026	22/05/2026	22/05/2026	5,93	2.965.000.000	2.965.000.000				
16	BID12408	50.000.000.000	-	Trả lãi	24/05/2026	25/05/2026	25/05/2026	5,78	2.897.917.800	2.897.917.800				
17	BID12409	300.000.000.000	300.000.000.000	Trả lãi	24/05/2026	25/05/2026	25/05/2026	5,93	17.790.000.000	17.790.000.000				
18	BID12509	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	Trả lãi	26/05/2026	26/05/2026	26/05/2026	5,68	85.200.000.000	85.200.000.000				
19	BID12510	238.000.000.000	238.000.000.000	Trả lãi	26/05/2026	26/05/2026	26/05/2026	5,68	13.518.400.000	13.518.400.000				
20	BID2_RL20.14	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	26/05/2026	26/05/2026	26/05/2026	7,95	39.750.000.000	39.750.000.000				
21	BID12511	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	27/05/2026	27/05/2026	27/05/2026	5,83	8.745.000.000	8.745.000.000				
22	BID12512	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	27/05/2026	27/05/2026	27/05/2026	6,30	6.300.000.000	6.300.000.000				
23	BID12410	700.000.000.000	-	Trả lãi	28/05/2026	28/05/2026	28/05/2026	5,78	40.460.000.000	40.460.000.000				
24	BID12411	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	29/05/2026	29/05/2026	29/05/2026	5,88	117.600.000.000	117.600.000.000				
25	BID12513	3.000.000.000.000	3.000.000.000.000	Trả lãi	29/05/2026	29/05/2026	29/05/2026	5,83	86.731.233.000	86.731.233.000				
26	BID12412	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	6,50	13.000.000.000	13.000.000.000				
27	BID12413	50.000.000.000	-	Trả lãi	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	5,78	2.905.835.600	2.905.835.600				
28	BID12414	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	30/05/2026	01/06/2026	01/06/2026	6,50	6.500.000.000	6.500.000.000				
29	BID12514	600.000.000.000	600.000.000.000	Trả lãi	05/06/2026	05/06/2026	05/06/2026	5,68	34.080.000.000	34.080.000.000				
30	BID12415	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000	Trả lãi	07/06/2026	08/06/2026	08/06/2026	6,08	212.800.000.000	212.800.000.000				
31	BID12515	250.000.000.000	250.000.000.000	Trả lãi	10/06/2026	10/06/2026	10/06/2026	5,68	14.200.000.000	14.200.000.000				
32	BID12516	85.000.000.000	85.000.000.000	Trả lãi	10/06/2026	10/06/2026	10/06/2026	5,90	5.015.000.000	5.015.000.000				
33	BID12517	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	10/06/2026	10/06/2026	10/06/2026	5,83	11.660.000.000	11.660.000.000				
34	BID12518	360.000.000.000	360.000.000.000	Trả lãi	13/06/2026	15/06/2026	15/06/2026	5,68	20.448.000.000	20.448.000.000				
35	BID12519	850.000.000.000	850.000.000.000	Trả lãi	13/06/2026	15/06/2026	15/06/2026	5,68	48.280.000.000	48.280.000.000				
36	BID12520	202.000.000.000	202.000.000.000	Trả lãi	13/06/2026	15/06/2026	15/06/2026	5,83	11.776.600.000	11.776.600.000				
37	BID12416	720.000.000.000	-	Trả lãi	17/06/2026	17/06/2026	17/06/2026	5,78	41.616.000.000	41.616.000.000				
38	BID12417	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	17/06/2026	17/06/2026	17/06/2026	5,88	8.820.000.000	8.820.000.000				
39	BID12243	14.000.000.000	14.000.000.000	Trả lãi	22/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5,68	795.200.000	795.200.000				
40	BID12521	260.000.000.000	260.000.000.000	Trả lãi	20/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5,68	14.768.000.000	14.768.000.000				
41	BID12522	122.000.000.000	122.000.000.000	Trả lãi	20/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5,83	7.112.600.000	7.112.600.000				
42	BID12523	100.000.000.000	100.000.000.000	Trả lãi	20/06/2026	22/06/2026	22/06/2026	5,68	5.680.000.000	5.680.000.000				

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành theo mệnh giá (đồng)	Giá trị dư nợ gốc theo mệnh giá tại cuối ngày thống kê	Trả lãi/ Trả gốc	Ngày thanh toán danh nghĩa	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Ngày thanh toán thực tế	Lãi suất trả lãi trong kỳ (%/năm)	Số tiền phải thanh toán (đồng) (1) = (2)+(3)+(4)	Số tiền đã thanh toán đúng hạn (đồng) (2)	Trường hợp doanh nghiệp chậm thanh toán gốc hoặc lãi trái phiếu			
											Số tiền đã thanh toán chậm (3)	Số tiền chưa thanh toán (4)	Lý do chậm thanh toán gốc lãi	Tình hình đàm phán với nhà đầu tư về việc thanh toán gốc, lãi (nếu cụ thể kết quả đàm phán)
43	BID12117	120.000.000.000	120.000.000.000	Trả lãi	23/06/2026	23/06/2026	23/06/2026	6,90	8.280.000.000	8.280.000.000				
44	BID12524	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	5,83	8.745.000.000	8.745.000.000				
45	BID12525	135.000.000.000	135.000.000.000	Trả lãi	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	5,68	7.668.000.000	7.668.000.000				
46	BID12559	800.000.000.000	800.000.000.000	Trả lãi	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	6,68	26.646.794.400	26.646.794.400				
47	BID12560	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	24/06/2026	24/06/2026	24/06/2026	6,68	6.661.698.600	6.661.698.600				
48	BID12119	5.000.000.000	-	Trả lãi	25/06/2026	25/06/2026	25/06/2026	5,68	284.000.000	284.000.000				
49	BID2_RL20.35	230.000.000.000	230.000.000.000	Trả lãi	25/06/2026	25/06/2026	25/06/2026	7,70	17.710.000.000	17.710.000.000				
50	BID12418	400.000.000.000	400.000.000.000	Trả lãi	26/06/2026	26/06/2026	26/06/2026	5,93	23.720.000.000	23.720.000.000				
51	BID12121	50.000.000.000	50.000.000.000	Trả lãi	29/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	6,90	3.450.000.000	3.450.000.000				
52	BID12246	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	29/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5,98	11.960.000.000	11.960.000.000				
53	BID12419	180.000.000.000	-	Trả lãi	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5,78	10.461.008.160	10.461.008.160				
54	BID12420	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5,93	8.895.000.000	8.895.000.000				
55	BID12526	367.000.000.000	367.000.000.000	Trả lãi	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5,68	20.845.600.000	20.845.600.000				
56	BID12527	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5,94	8.908.931.550	8.908.931.550				
57	BID12528	150.000.000.000	150.000.000.000	Trả lãi	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	5,83	8.745.000.000	8.745.000.000				
58	BID12529	200.000.000.000	200.000.000.000	Trả lãi	27/06/2026	29/06/2026	29/06/2026	6,09	12.178.575.400	12.178.575.400				
59	BID12530	500.000.000.000	500.000.000.000	Trả lãi	30/06/2026	30/06/2026	30/06/2026	6,40	32.000.000.000	32.000.000.000				
60	BID12531	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Trả lãi	30/06/2026	30/06/2026	30/06/2026	5,88	117.600.000.000	117.600.000.000				
Tổng cộng		32.299.000.000.000	29.399.000.000.000						1.759.972.164.710	1.759.972.164.710				

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận (...b):

- Như trên;
- Lưu: TTDVKH, VP.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Như Quỳnh

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
KT.GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
PHỤ GIÁM ĐỐC



BÙI THỊ HƯƠNG